

Bản án số: 97/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 30-7-2024

V/v tranh chấp ly hôn, con chung”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hoàng Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Hải Nam
- Ông Trần Văn Chiểu

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Yến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 77/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2024 về việc: “Tranh chấp ly hôn, con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2024, giữa:

1. **Nguyên đơn:** Chị Phạm Thị P, sinh năm 1988 “có mặt”.

Địa chỉ cư trú: ấp O, xã Th, huyện D, tỉnh Vĩnh Long.

2. **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1972 “có mặt”.

Địa chỉ đăng ký hộ khẩu: ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Chỗ ở hiện nay: ấp L, xã T, huyện Q, tỉnh Vĩnh Long.

3. **Người làm chứng:** Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1954

Địa chỉ cư trú: ấp Y, xã A, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 27/02/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phạm Thị P trình bày: chị và bị đơn anh Nguyễn Văn V thành hôn năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 20/7/2022. Thời gian chung sống được ba năm. Quá trình chung sống, lúc đầu vợ chồng sống hạnh phúc, sau này không hạnh phúc,

có phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh V không lo làm ăn, thường xuyên cờ bạc gây nợ nần. Anh V thường xuyên bỏ nhà đi mà chị không biết đi đâu, làm gì nên vợ chồng có cự cãi. Về con chung: Có một con chung tên Phạm Tấn Đ, sinh ngày 02/11/2021 hiện đã về ở với chị. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không Đ nên yêu cầu ly hôn với anh V. Về con chung chị yêu cầu nuôi, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 15/5/2024 bị đơn anh Nguyễn Văn V trình bày: Anh thống nhất theo lời trình của chị P về tài sản chung, nợ chung. Anh và chị P thành hôn vào năm 2019, có đăng ký kết hôn vào ngày 20/7/2022 tại Ủy ban nhân dân xã Thuận Thới. Do chưa đăng ký kết hôn nên khi chị P làm giấy khai sinh cho con không có tên cha. Do anh làm ăn thua lỗ, vợ nghe lời mẹ vợ nên làm đơn ly hôn với anh. Anh có thời gian trên một tháng thường xuyên ăn nhậu với bạn bè, về nhà trễ, không lo làm ăn, cờ bạc gây nợ. Hiện tại anh đã trả nợ xong và lo làm ăn để nuôi vợ con. Nay anh xác định còn tình cảm với chị P nên anh không đồng ý ly hôn. Về con chung có một con chung Phạm Tấn Đ, sinh ngày 02/11/2021 hiện đang sống với anh. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P thì về con chung, anh xin nuôi và không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu, bị đơn vắng mặt không lý do.

Vị đại diện Viện kiểm sát huyện Trà Ôn phát biểu:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và trình tự, thủ tục xét xử của Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn không chấp hành đầy đủ về quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng Điều 28, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị P.

Về hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị P ly hôn với anh Nguyễn Văn V.

Về con chung: Giao con chung Phạm Tấn Đ, sinh ngày 02/11/2021 cho chị Phạm Thị P trực tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn V không phải cấp dưỡng nuôi con và anh V có quyền và nghĩa vụ thăm con chung không ai có quyền cản trở.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị P phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Chị Phạm Thị P khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn V, có địa chỉ ấp O, xã T, huyện N, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

- Về người tham gia tố tụng: Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

Người làm chứng vắng mặt nhưng đã có lời khai nên căn cứ khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt người làm chứng.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Phạm Thị P và anh Nguyễn Văn V kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th, huyện G, tỉnh Vĩnh Long theo giấy chứng nhận kết hôn số: 49 ngày 20/7/2022 và anh chị kết hôn cũng đảm bảo các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét lời trình bày của chị P cho rằng: Thời gian vợ chồng chung sống được 03 năm. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng sau phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh V không lo làm ăn, thường xuyên cờ bạc, gây nợ nần và anh V thường xuyên bỏ nhà đi. Sự việc cũng được anh V thừa nhận và phù hợp với biên bản lấy lời khai của người thân gần nhà chị P và xác nhận của Công an xã Thuận Thới. Hiện tại chị P xác định không còn tình cảm với anh V. Từ đó, xác định mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không Đ, đời sống chung không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P là phù hợp theo quy định Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: chị P và anh V có 01 con chung tên Phạm Tấn Đ, sinh ngày 02/11/2021, hiện đang sống chung với chị P, chị P yêu cầu được tiếp tục nuôi. Xét thấy con chung còn dưới 36 tháng tuổi, giao cho chị P tiếp tục nuôi sẽ đảm bảo điều kiện chăm sóc tốt hơn so với anh V và anh V có quyền nghĩa vụ thăm con chung,

không ai có quyền cản trở là phù hợp các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: chị P là người trực tiếp nuôi, hiện tại chị P đủ điều kiện nuôi con, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án, sau này có phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác nên miễn xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị P phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Xét đề nghị của kiểm sát viên so với nhận định trên là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị P.

1. Về hôn nhân:

Xử cho chị Phạm Thị P được ly hôn với anh Nguyễn Văn V.

2. Về con chung:

Tiếp tục giao con chung Phạm Tấn Đ, sinh ngày 02/11/2021 cho chị Phạm Thị P trực tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn V không phải cấp dưỡng nuôi con và anh V có quyền và nghĩa vụ thăm con chung không ai có quyền cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Phạm Thị P phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) chị Phạm Thị P đã nộp theo biên lai thu số 0011110 ngày 27/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại nơi cư trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Dương sự;
 - Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn;
 - Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn;
 - Ủy ban nhân dân xã Th, huyện M
- (Giấy kết hôn số: 49, ngày 20/7/2022);
- Lưu hồ sơ vụ án.

ĐÃ KÝ

Hồ Hoàng Phong